

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai tài sản công năm 2025 của Phòng Kinh tế xã

TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ XÃ TRƯỜNG TÂN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét đề nghị của cán bộ chuyên môn tài chính của Phòng Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tài sản năm 2025 của Phòng Kinh tế xã Trường Tân (theo các biểu mẫu số 04b-CK/TS; mẫu 04c-CK/TS; mẫu 04d-CK/TS đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Kinh tế xã, bộ phận tài chính và các cá nhân liên quan có liên quan tổ chức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Sơn

4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung	9		147.560.000	34.776.000	9				
	Máy vi tính để bàn	1		16.100.000	0	1				
	Máy vi tính để bàn	1		15.000.000	0	1				
	Máy tính để bàn	1		20.000.000	0	1				
	Bộ máy tính để bàn	1		10.000.000	0	1				
	Bộ bàn ghế tiếp khách	1		25.000.000	0	1				
	Máy vi tính để bàn	1		15.000.000	0	1				
	Máy vi tính để bàn	1		11.960.000	7.176.000	1				
	Máy tính để bàn	1		17.250.000	13.800.000	1				
	Máy tính để bàn	1		17.250.000	13.800.000	1				
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng									
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm									
6	Tài sản cố định đặc thù	15		162.114.671.926	133.583.720.647	15				
	Đường 20C	1		59.493.861.000	40.158.356.175	1				
	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 1	1		21.324.873.000	17.593.020.225	1				
	Tuyến đường trục xã Đức Xương(cải tạo các điểm đen về an toàn giao thông)	1		1.520.049.000	1.292.041.650	1				
	Đường giao thông thôn Đông Hào(Đoạn từ 38B vào ngã ba ông Tộc)	1		2.392.015.000	2.033.212.750	1				
	Đường giao thông ngã tư UBND xã Đức Xương cũ (giai đoạn 2)(Cải tạo mở rộng nút giao thông)	1		850.893.000	723.259.050	1				
	Đường giao thông ngã tư UBND xã Đức Xương cũ(giai đoạn 1)(cải tạo nút giao thông)	1		975.491.000	829.167.350	1				
	Đường giao thông Hậu Bồng đi Đỗ Xuyên	1		7.659.301.000	6.510.405.850	1				
	Đường trục xã Đức Xương đoạn từ km0+157 đến km0+884,93 (Cải tạo, nâng	1		14.406.821.000	12.605.968.375	1				
	Đường Giao thông nội đồng khu sản xuất nhà màng nhà lưới, xứ đồng nghĩa trang xã Phạm Trấn	1		1.636.827.157	1.473.144.441	1				
	Cải tạo nâng cấp đường Giao Thông trục chính tại các thôn (Côi Thượng, Côi Hạ, Cầu Lâm) xã Phạm Trấn	1		3.860.649.406	3.571.100.701	1				
	Cải tạo nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Đồng Quang, huyện Gia Lộc	1		12.528.207.659	12.215.002.468	1				

	Cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng của vùng nuôi trồng thủy sản tập trung xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc	1		4.258.344.844	4.151.886.223	1				
	Cải tạo, nâng cấp đường huyện 20C huyện Gia Lộc; đoạn từ Km0+130 - Km1+130 (từ giáp cổng Đôn đến điểm bưu điện văn hóa xã Đồng Quang)	1		13.015.692.000	12.690.299.700	1				
	Cải tạo đường huyện 20C huyện Gia Lộc; đoạn từ Km1+580- Km2+080 (từ ngã tư Đông Trại đến giáp địa phận xã Nhật Tân)	1		4.281.389.000	4.174.354.275	1				
	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Đức Xương đoạn từ ngã tư bưu điện đến trạm biến áp thôn An Cư 2	1		13.910.257.860	13.562.501.414	1				
7	Tài sản cố định hữu hình khác	5		12.409.878.000	9.258.600.600	5				
	Mái tôn, Bê tông nền chợ Rộng	1		816.801.000	490.080.600	1				
	Lán chợ Bống (cũ)	1		131.874.000	0	1				
	Lán cửa hàng chợ Bống (cũ)	1		87.567.000	0	1				
	Quán chợ	1		412.986.000	0	1				
	Mái vòm chợ Bống (Mới)	1		10.960.650.000	8.768.520.000	1				
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)									
	Tổng số	32	11.808	368.574.689.926	336.779.677.247	29	0			

NGƯỜI LẬP



Vũ Thị Út

Trường Tân, ngày 6 tháng 02 năm 2026



TR.Ã.Ã. PH.Ã.Ã.

KINH T.Ã.

Nguyễn Văn Sơn

Mẫu số 04c-CK/TSC

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Phòng Kinh tế xã

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
NĂM 2025**

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên: Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng.

[illegible]

3	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)	Không														
4	Máy móc, thiết bị	Không														
4.1	Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh															
4.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung															
4.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng															
5	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm	Không														
6	Tài sản cố định đặc thù	Không														
7	Tài sản cố định hữu hình khác	Không														
8	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	Không														
	...															

Trường Tân, ngày 6 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Vũ Thị Út



TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG
KINH TẾ

Nguyễn Văn Sơn

Loại hình đơn vị: Khối quản lý nhà nước

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
NĂM 2025**

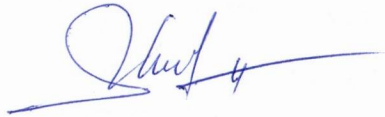
DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên: Diện tích là: m²; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền/Chi phí là: Nghìn đồng.

[illegible]

3.2	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung																
3.3	Máy móc, thiết bị chuyên dùng																
4	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản	Không															
5	Tài sản cố định đặc thù	Không															
6	Tài sản cố định hữu hình khác	Không															
7	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	Không															

Trường Tân, ngày 9 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Vũ Thị Út



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Sơn